TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HSST
Ngày: 13/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Biên và ông Nguyễn Quang Học.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Cao Cường – CV:Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Hoàng Bá Việt - CV: Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/TLST-HS ngày 13/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HS ngày 13/7/2019 đối với các bị cáo:

1. **Cao Văn N -** Sinh ngày 07 tháng 7 năm 1972;

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Cao Văn K (đã chết); Con bà: Lê Thị D (đã chết); Vợ: Lê Thị K - Sinh năm: 1981; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn T** - Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1986 ;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Lê Văn D (đã chết); Con bà: Lê Thị L - Sinh năm: 1952; Vợ: Nguyễn Thị A - Sinh năm: 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn C -** Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1985;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1957; Con bà: Lê Thị L - Sinh năm: 1959; Vợ: Hoàng Thị H - Sinh năm: 1984; Có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. **Phạm Văn T1** - Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1985;

Nơi ĐKHKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1931; Con bà: Trần Thị T - Sinh năm: 1941; Vợ: Đậu Thị H - Sinh năm 1985; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. **Kiều Văn D -** Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1967;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông: Kiều Văn M (đã chết); Con bà: Cao Thị Đ (đã chết); Vợ: Đậu Thị V - Sinh năm: 1971; Có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. **Phạm Xuân Đ** - Sinh ngày 04 tháng 5 năm 1981;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/10; Con ông: Phạm Xuân Q - Sinh năm 1940; Con bà: Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1983; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản"

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. **Phạm Văn S** - Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1975

Nơi ĐKHKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Con ông: Phạm Văn C - Sinh năm: 1937; Con bà: Trần Thị N - Sinh năm: 1938; Vợ: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1980; Có 03 con, Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2019 có mặt tại phiên tòa.

8. **Lê Mạnh H** - Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1980;

Nơi ĐKHKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Lê Văn N - Sinh năm 1945; Con bà: Bùi Thị B - Sinh năm: 1947; vợ: Nguyễn Thị Diễm H - Sinh năm: 1982; Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2019 có mặt tại phiên tòa.

9. **Lê Văn T2** - Sinh ngày 09 tháng 3 năm 1987;

Nơi ĐKHKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Lê Văn T - Sinh năm 1962; Con bà: Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1962; Vợ: Đinh Thị Thanh N - Sinh năm: 1996; Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2019 có mặt tại phiên tòa.

10. **Lê Văn V** - Sinh ngày 23 tháng 6 năm 1982;

Nơi ĐKHKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Văn Q (đã chết); Con bà: Đậu Thị L - Sinh năm: 1957; Vợ: Phạm Thị H - Sinh năm: 1983; Có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2019 có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- Lê Văn T3 - Sinh năm 1983
- Lê Văn T4 - Sinh năm 1962
- Nguyễn Thị Diễm H - Sinh năm 1982

Đều ĐKHKTT: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 07/01/2019, Phạm Văn T1, Lê Mạnh H, Lê Văn T2, Lê Văn T, Nguyễn Văn C đến xưởng cốm nhà Cao Văn N tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngồi uống nước cùng với N. Lúc này, thấy ở xưởng cốm có một bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài nên các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức "*đánh liêng"*, cả nhóm đồng ý. N đồng ý để các đối tượng đánh bạc tại xưởng nhà mình và tham gia đánh bạc cùng các đối tượng.

Khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì Lê Văn V đến và vào chơi cùng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì Lê Văn T có việc nên nghỉ không đánh bạc nữa, lúc này Phạm Văn S đến và tham gia đánh bạc, khoảng 10 phút sau T quay trở lại tiếp tục vào đánh bạc, đồng thời S không chơi nữa. Sau đó, Phạm Xuân Đ đến thì Lê Mạnh H cũng không đánh bạc nữa nên Đ đã ngồi vào để đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Lê Văn V và Lê Văn T2 nghỉ không đánh bạc nữa, lúc này, có Kiều Văn D đến và đã vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày khi các đối tượng Cao Văn N, Lê Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T1, Phạm Xuân Đ, Kiều Văn D đang đánh bạc dưới hình thức "*đánh liêng*" ăn tiền thì bị tổ công tác Công an huyện Tĩnh Gia vào bắt quả tang, thu giữ dưới chiếu bạc số tiền 1.570.000đ, một bộ bài tú lơ khơ 52 lá và một chiếu cói đã qua sử dụng. Thu giữ trong người Cao Văn N số tiền 3.410.000đ; thu giữ trong người Lê Văn T số tiền 13.030.000đ; thu giữ trong người Nguyễn Văn C số tiền 4.600.000đ; Thu giữ trong người Phạm Văn T1 số tiền 500.000đ; Thu giữ trong người Kiều Văn D số tiền 1.670.000đ**.**

Quá trình đấu tranh làm rõ, các đối tượng đã sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Cao Văn N sử dụng số tiền 3.710.000đ, Lê Văn T sử dụng số tiền 13.330.000đ, Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 400.000đ, Phạm Văn T1 sử dụng số tiền 900.000đ, Phạm Xuân Đ sử dụng số tiền 500.000đ, Kiều Văn D sử dụng số tiền 1.720.000đ, Lê Văn T2 sử dụng số tiền 250.000đ, Lê Văn V sử dụng số tiền 260.000đ, Phạm Văn S sử dụng số tiền 250.000đ, Lê Mạnh H sử dụng số tiền 260.000đ. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là: 21.580.000đ.

Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Cao Văn N tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh liêng của các bị can như sau:

Các bị can ngồi thành vòng tròn sử dụng 52 cây bài tú lơ khơ, sau đó chia cho mỗi người chơi 03 cây bài, rồi đặt tiền chơi cho ván bài đó là 10.000đ (*Mười*

nghìn đồng). Đối với người có ván bài tính điểm thì cộng 03 cây bài lại với nhau để so sánh điểm bài. Đối với người có ván bài các cây bài có giá trị liên tục nhau thì gọi là ván bài liêng, ví dụ: 6, 7,8. Đối với người có ván bài các cây bài có giá trị bằng nhau nhưng khác chất gọi là người có cú ván bài sáp, ví dụ: 5,5,5. Người có ván bài với các cây bài ví dụ J, J, Q gọi là người có ván bài đĩ. Người có ván bài đĩ thắng người có ván bài tính điểm. Người có ván bài sáp, bài liêng, bài đĩ to thắng người có ván bài sáp, liêng, bài đĩ nhỏ. Mức tiền đặt cược thấp nhất cho mỗi ván là 10.000đ (*Mười nghìn đồng*). Người thắng ván bài trước là người chia ván bài sau và là người được quyền tố mức tiền chơi cao nhất cho ván bài đó. Người nào không theo chơi ván bài tố thì chủ động úp phần bài của mình vào phần bài chia còn dư. Người thắng ván bài là người thắng tất cả tiền chơi của những người chơi bị thua, người thua mất toàn bộ số tiền đặt cược chơi hoặc tiền theo chơi ván bài tố đó.

Bản cáo trạng số 56/CTr-VKS-HS ngày 10/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã truy tố Cao Văn N về tội "*Gá bạc*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 và tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Truy tố Lê Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T1, Kiều Văn D, Phạm Xuân Đ, Phạm Văn S, Lê Mạnh H, Lê Văn T2, Lê Văn V về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia rút quyết định truy tố Cao Văn N về tội "*Gá bạc*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Điều 35; Điều 65 và Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt:

Phạm Xuân Đ từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Cao Văn N và Lê Văn T mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Phạm Văn T1 và Kiều Văn D mỗi bị cáo từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Nguyễn Văn C, Phạm Văn S, Lê Mạnh H, Lê Văn T2 và Lê Văn V mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếu cói đã qua sử dụng. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 21.580.000đ. Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Ngày 07/01/2019, ở xưởng làm cốm của nhà Cao Văn N tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, các đối tượng Cao Văn N, Lê Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T1, Kiều Văn D, Phạm Xuân Đ, Lê Văn T2, Lê Văn V, Lê Mạnh H, Phạm Văn S có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng ăn tiền. Số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 21.580.000đ.

Cao Văn N đồng ý cho các con bạc sử dụng khu vực xưởng cốm của gia đình mình để đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 21.580.000đ, hành vi của bị cáo N chỉ cấu thành tội "*Đánh bạc*" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã rút quyết định truy tố Cao Văn N về tội "*Gá bạc*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 là hoàn toàn chính xác.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Cao Văn N, Lê Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T1, Kiều Văn D, Phạm Xuân Đ, Lê Văn T2, Lê Văn V, Lê Mạnh H và Phạm Văn S cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

[3] Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn huyện Tĩnh Gia, tình trạng đánh bạc đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng, kéo theo hàng loạt các tệ nạn xã hội khác như trộm cắp, đánh nhau và cũng làm tan cửa, mất nhà của nhiều gia đình có thành viên ham chơi cờ bạc, lô đề, cá độ bóng đá. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Do đó cần phải tuyên cho mỗi bị cáo một hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó khi lượng hình cần phải phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo.

Bị cáo Cao Văn N là chủ nhà lại đồng ý để cho các con bạc sử dụng địa điểm nhà mình để đánh bạc, ngoài ra còn tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác và Lê Văn T là người có số tiền đánh bạc cao nhất. Do đó bị cáo N và bị cáo T có vai trò cao nhất trong vụ án.

Đối với Phạm Văn T1 và Kiều Văn D là người có số tiền đánh bạc cao thứ hai trong vụ án. Do đó bị cáo T1 và bị cáo D có vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với Nguyễn Văn C, Phạm Văn S, Lê Mạnh H, Lê Văn T2, Phạm Xuân Đ và Lê Văn V là nhóm có số tiền đánh bạc thấp nhất. Do đó các bị cáo này có vai trò thấp nhất trongvụ án.

[4] Xét về nhân thân:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tách nhiệm nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Cao Văn N, Lê Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T, Kiều Văn D, Lê Văn T2, Lê Văn V, Lê Mạnh H và Phạm Văn S đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, lượng giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật. Đồng thời không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Phạm Xuân Đ thành khẩn khai báo, đang thờ cúng liệt sỹ, bố bị cáo là người có công với cách mạng được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không cần thiết phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xét về vật chứng:

- Đối với số tiền 21.580.000đ đã nộp Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tĩnh Gia theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000403 ngày 18/6/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh gia. Đây là số tiền các bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 01 chiếu cói đã qua sử dụng đang bị thu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK 2019/56 ngày 18/6/2019, đây là công cụ mà các bị cáo dùng để thực

hiện hành vi phạm tội. Bộ bài tú lơ khơ 52 cây và chiếc chiếu đã cũ, không còn giá trị sử dụng. Do đó cần phải áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 3.200.000đ thu giữ của Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định số tiền trên C không sử dụng vào mục đích đánh bạc Cơ quan CSĐT công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho Nguyễn Văn C là hoàn toàn chính xác. Do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Xét về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS ; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Phạm Xuân Đ phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt Phạm Xuân Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/8/2019. Giao Phạm Xuân Đ cho chính quyền Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Cao Văn N, Lê Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Văn T1, Kiều Văn D, Lê Văn T2, Lê Văn V, Lê Mạnh H và Phạm Văn S phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt Cao Văn N và Lê Văn T mỗi bị cáo 25.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Phạm Văn T1 và Kiều Văn D mỗi bị cáo 22.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn C, Phạm Văn S, Lê Mạnh H, Lê Văn T2 và Lê Văn V mỗi bị cáo 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 21.580.000đ đã nộp Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tĩnh Gia theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000403 ngày 18/6/2019.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 01 chiếu cói đã qua sử dụng, đang bị thu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK 2019/56 ngày 18/6/2019,

4. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- UBND xã Tùng Lâm;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Lưu: TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Bắc